



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
và công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020**



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

3503000233
4100739909

ngày 26 tháng 9 năm 2008
ngày 16 tháng 5 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4100739909 ngày 16 tháng 5 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Du An
Ông Huỳnh Văn Dũng
Bà Nguyễn Thị Phước
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Ông Phạm Văn Phong

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Dũng
Ông Trịnh Văn Thảo
Ông Bùi Quang Đáng

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Điều hành

Ông Huỳnh Văn Dũng
Ông Võ Thanh Điền
Ông Vũ Tuấn Anh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
kiêm Kế toán Trưởng

Trụ sở đăng ký

Số 1 Nguyễn Văn Linh
Phường Tân An, Thành phố Buôn Mê Thuột
Tỉnh Đắk Lắk
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Điều hành
Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đắk Lắk, ngày 22 tháng 2 năm 2021



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 2 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Báo cáo Kiểm toán số: 20-01-00278-21-4



Hà Vũ Đình
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 2 năm 2021



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		331.751.119.587	272.037.901.806
Tiền	110	6	37.098.441.283	3.174.483.781
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		40.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	40.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.832.418.494	68.088.565.698
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	52.714.479.887	59.325.698.021
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		21.723.940.705	5.702.772.397
Phải thu ngắn hạn khác	136		2.077.531.884	3.629.976.357
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.729.225.086)	(1.655.325.086)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.045.691.104	1.085.444.009
Hàng tồn kho	140	9	174.083.943.736	193.707.783.423
Hàng tồn kho	141		174.726.902.262	193.707.783.423
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(642.958.526)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.736.316.074	7.067.068.904
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.732.404.839	7.063.157.669
Thuế phải thu Nhà nước	153		3.911.235	3.911.235

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		472.318.564.823	525.436.881.737
Tài sản cố định	220		382.110.437.351	439.414.470.274
Tài sản cố định hữu hình	221	10	381.438.013.108	438.890.152.512
Nguyên giá	222		1.462.707.461.710	1.444.929.671.500
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.081.269.448.602)	(1.006.039.518.988)
Tài sản cố định vô hình	227	11	672.424.243	524.317.762
Nguyên giá	228		1.479.636.190	1.406.656.962
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(807.211.947)	(882.339.200)
Bất động sản đầu tư	230	12	7.545.867.292	7.905.148.336
Nguyên giá	231		9.795.838.071	9.795.838.071
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.249.970.779)	(1.890.689.735)
Tài sản dở dang dài hạn	240		655.011.307	1.681.717.228
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	655.011.307	1.681.717.228
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7(b)	19.406.520.000	19.406.520.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		19.406.520.000	19.406.520.000
Tài sản dài hạn khác	260		62.600.728.873	57.029.025.899
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	58.775.700.349	53.278.990.290
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.825.028.524	3.750.035.609
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		804.069.684.410	797.474.783.543

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		308.831.407.519	325.464.327.250
Nợ ngắn hạn	310		283.781.245.355	301.982.357.624
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	14.718.897.357	27.345.187.960
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.374.069.135	2.325.543.973
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	122.699.351.252	137.445.298.890
Phải trả người lao động	314		26.995.615.387	14.711.831.674
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	3.460.884.875	6.535.391.997
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		24.545.455	32.854.350
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	56.878.536.515	50.706.168.524
Vay ngắn hạn	320	19	47.855.837.646	60.109.306.459
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	6.773.507.733	2.770.773.797
Nợ dài hạn	330		25.050.162.164	23.481.969.626
Phải trả dài hạn khác	337		6.649.500.000	5.497.500.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	18.400.662.164	17.984.469.626
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		495.238.276.891	472.010.456.293
Vốn chủ sở hữu	410	22	495.238.276.891	472.010.456.293
Vốn cổ phần	411	23	298.466.480.000	298.466.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		298.466.480.000	298.466.480.000
Vốn khác	414		12.234.693	12.234.693
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	74.810.094.569	64.457.934.536
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		121.949.467.629	109.073.807.064
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		67.599.641.028	6.493.874.397
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		54.349.826.601	102.579.932.667
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		804.069.684.410	797.474.783.543


Ngày 22 tháng 2 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

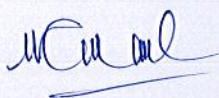
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2020

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND (Phân loại lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	1.207.164.990.860	1.525.737.516.960
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	15.893.182	1.063.591.285
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	1.207.149.097.678	1.524.673.925.675
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	895.889.134.850	1.169.737.354.191
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		311.259.962.828	354.936.571.484
Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.491.032.863	1.150.448.175
Chi phí tài chính	22		3.382.380.168	4.749.668.737
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.382.308.682	4.739.324.496
Chi phí bán hàng	25	29	51.175.437.200	41.053.188.557
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	67.293.816.198	71.426.729.220
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		192.899.362.125	238.857.433.145
Thu nhập khác	31	31	10.719.227.032	30.826.676.726
Chi phí khác	32	32	4.383.159.820	10.590.012.259
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		6.336.067.212	20.236.664.467
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		199.235.429.337	259.094.097.612
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	40.497.327.651	52.290.409.502
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	34	(74.992.915)	(239.512.557)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		158.813.094.601	207.043.200.667
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	4.313	6.461

Ngày 22 tháng 2 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	199.235.429.337	259.094.097.612
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	80.145.380.691	90.590.757.191
Các khoản dự phòng	03	2.256.883.439	1.012.358.275
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.095.025)	292.527
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.173.049.716)	(1.234.285.344)
Chi phí lãi vay	06	3.382.308.682	4.739.324.496
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	281.844.857.408	354.202.544.757
Biến động các khoản phải thu	09	(7.817.752.796)	23.675.986.470
Biến động hàng tồn kho	10	18.980.881.161	(14.443.155.800)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	6.382.385.339	(46.173.148.414)
Biến động chi phí trả trước	12	(4.165.957.229)	1.566.491.497
		295.224.413.883	318.828.718.510
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.482.572.742)	(5.140.444.169)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(46.053.515.135)	(38.400.390.563)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	566.210.000	316.415.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(26.774.098.439)	(14.739.129.456)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	219.480.437.567	260.865.169.322
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(36.359.579.020)	(85.615.851.430)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	201.944.441
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(355.000.000.000)	-
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	315.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	3.488.937.838	1.150.396.461
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(72.870.641.182)	(84.263.510.528)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	693.300.000.000	777.850.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(705.553.468.813)	(826.393.875.252)
Tiền chi trả cổ tức	36	(100.434.465.095)	(153.547.071.134)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(112.687.933.908)	(202.090.946.386)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	33.921.862.477	(25.489.287.592)
Tiền đầu năm	60	3.174.483.781	28.664.063.900
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	2.095.025	(292.527)
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70 6	37.098.441.283	3.174.483.781

Ngày 22 tháng 2 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Thành Nguyên
 Phó phòng Tài chính – Kế toán

Người kiểm tra:



Vũ Tuấn Anh
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:




Huỳnh Văn Dũng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 993/TB-SGDHCM ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SMB.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và phần lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; nhập khẩu, xuất khẩu và kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị và phụ tùng thay thế của ngành công nghiệp thực phẩm; cung cấp dịch vụ đào tạo và tư vấn lắp đặt máy móc trong ngành công nghiệp thực phẩm; đầu tư và xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư; kinh doanh bất động sản và cung cấp dịch vụ văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2020: 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết), thông tin chi tiết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
			31/12/2020	1/1/2020
Công ty con sở hữu trực tiếp				
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại và Dịch Vụ Bia Quy Nhơn	Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100%	100%
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	In ấn	20%	20%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty có 487 nhân viên (1/1/2020: 495 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được thể hiện theo giá gốc.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ tài sản khác	8 – 20 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Chi phí thuê cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê là từ 10 đến 16 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu theo mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm trước.

4. Ảnh hưởng của Covid-19 và nghị định mới

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Nhóm Công ty. Nghị định 100/2019/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 cũng ảnh hưởng đến ngành sản xuất và kinh doanh bia rượu. Ban Điều hành Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Mặc dù Việt Nam đã cho phép tất cả các lĩnh vực kinh doanh được mở cửa hoạt động trở lại, nhưng hoạt động du lịch quốc tế vẫn tạm thời bị đóng cửa. Ban Điều hành Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác bao gồm sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết và các loại nước giải khát; và nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

6. Tiền

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	929.202.826	289.967.829
Tiền gửi ngân hàng	36.169.238.457	2.884.515.952
	<hr/>	<hr/>
	37.098.441.283	3.174.483.781



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,4% đến 5,9% một năm (1/1/2020: Không).

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020 và 1/1/2020				Giá trị hợp lý VND
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	
Đầu tư vào:					
Công ty liên kết					
• Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên	1.963.579	20%	19.406.520.000	-	(*)

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	44.976.587.953	52.036.671.280
Các khách hàng khác	7.737.891.934	7.289.026.741
	52.714.479.887	59.325.698.021

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	44.976.587.953	52.036.671.280
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	-	4.823.629
	44.976.587.953	52.036.671.280

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

9. Hàng tồn kho

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	601.001.000	-	-	-
Nguyên vật liệu	61.883.616.513	(642.958.526)	67.476.529.481	-
Công cụ và dụng cụ	63.517.367.546	-	57.544.241.188	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.829.954.485	-	27.877.475.066	-
Thành phẩm	20.878.976.689	-	40.783.135.885	-
Hàng hóa	14.052.493	-	16.209.881	-
Hàng gửi đi bán	1.933.536	-	10.191.922	-
	174.726.902.262	(642.958.526)	193.707.783.423	-

Số dư của dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 phản ánh số dự phòng trích lập trong năm (2019: Không).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	244.323.071.558	1.169.673.893.762	22.980.338.404	6.779.888.942	1.172.478.834	1.444.929.671.500
Tăng trong năm	-	3.777.174.000	200.000.000	-	70.000.000	4.047.174.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.066.961.304	13.502.001.360	-	-	-	18.568.962.664
Xóa sổ	(345.487.376)	(4.492.859.078)	-	-	-	(4.838.346.454)
Số dư cuối năm	249.044.545.486	1.182.460.210.044	23.180.338.404	6.779.888.942	1.242.478.834	1.462.707.461.710
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	105.795.361.702	882.931.980.404	12.193.283.871	4.311.468.283	807.424.728	1.006.039.518.988
Khấu hao trong năm	13.015.482.593	64.099.403.457	1.982.156.177	612.258.464	43.087.255	79.752.387.946
Xóa sổ	(195.335.427)	(4.327.122.905)	-	-	-	(4.522.458.332)
Số dư cuối năm	118.615.508.868	942.704.260.956	14.175.440.048	4.923.726.747	850.511.983	1.081.269.448.602
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	138.527.709.856	286.741.913.358	10.787.054.533	2.468.420.659	365.054.106	438.890.152.512
Số dư cuối năm	130.429.036.618	239.755.949.088	9.004.898.356	1.856.162.195	391.966.851	381.438.013.108

HAI M Y TA 10/11

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 522.199 triệu VND (1/1/2020: 373.645 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 48.659 triệu VND (1/1/2020: 24.498 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 19).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	500.000.000	677.656.962	229.000.000	1.406.656.962
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang	-	181.818.182	-	181.818.182
Xóa sổ	-	(108.838.954)	-	(108.838.954)
Số dư cuối năm	500.000.000	750.636.190	229.000.000	1.479.636.190
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	677.656.962	204.682.238	882.339.200
Khấu hao trong năm	-	9.393.939	24.317.762	33.711.701
Xóa sổ	-	(108.838.954)	-	(108.838.954)
Số dư cuối năm	-	578.211.947	229.000.000	807.211.947
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	500.000.000	-	24.317.762	524.317.762
Số dư cuối năm	500.000.000	172.424.243	-	672.424.243

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 735 triệu VND (1/1/2020: 783 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

12. Bất động sản đầu tư

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	5.138.206.292	5.497.487.336
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	2.407.661.000	2.407.661.000
	7.545.867.292	7.905.148.336

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	7.388.177.071
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.890.689.735
Khấu hao trong năm	359.281.044
Số dư cuối năm	2.249.970.779
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	5.497.487.336
Số dư cuối năm	5.138.206.292



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	2.407.661.000

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	1.681.717.228	3.137.472.391
Tăng trong năm	17.724.074.925	61.440.698.137
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(18.568.962.664)	(59.440.004.577)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(181.818.182)	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(616.831.000)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(1.760.388.436)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.079.229.287)
Số dư cuối năm	655.011.307	1.681.717.228

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê cơ sở hạ tầng VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	23.861.350.251	12.631.922.278	12.292.731.191	4.492.986.570	53.278.990.290
Tăng trong năm	16.915.269.837	9.910.119.902	2.856.125.361	4.528.142.796	34.209.657.896
Phân bổ trong năm	(14.116.945.378)	(10.435.609.327)	(528.805.760)	(3.523.862.487)	(28.605.222.952)
Thanh lý	(107.724.885)	-	-	-	(107.724.885)
Số dư cuối năm	26.551.949.825	12.106.432.853	14.620.050.792	5.497.266.879	58.775.700.349

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty TNHH Thịnh Đức	2.119.078.500	-
Công ty TNHH Vận tải Thái Tân	1.483.395.650	2.768.388.425
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.269.459.419	9.474.647.773
Các nhà cung cấp khác	9.846.963.788	15.102.151.762
	<u>14.718.897.357</u>	<u>27.345.187.960</u>

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.269.459.419	9.474.647.773
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	183.528.400	2.651.055.165
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên	-	29.194.000
	<u>1.452.987.819</u>	<u>12.154.896.938</u>

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

12
H
T
N
H

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	12.188.702.866	283.539.985.857	(143.474.647.288)	(139.825.940.760)	12.428.100.675
Thuế tiêu thụ đặc biệt	101.648.752.405	915.385.780.659	-	(924.339.366.500)	92.695.166.564
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.745.258.740	40.497.327.651	-	(46.053.515.135)	15.189.071.256
Thuế thu nhập cá nhân	2.822.625.990	5.400.037.300	-	(6.014.246.811)	2.208.416.479
Tiền thuế đất, thuế đất	-	3.303.078.558	-	(3.303.078.558)	-
Các loại thuế khác	39.958.889	827.024.336	-	(688.386.947)	178.596.278
	137.445.298.890	1.248.953.234.361	(143.474.647.288)	(1.120.224.534.711)	122.699.351.252

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí khuyến mãi	1.270.307.229	4.135.602.686
Chi phí lãi vay	422.981.899	523.245.959
Chi phí khác	1.767.595.747	1.876.543.352
	3.460.884.875	6.535.391.997



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Cổ tức phải trả	47.135.279.768	43.106.476.863
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.874.535.800	1.488.144.200
Phải trả ngắn hạn khác	7.868.720.947	6.111.547.461
	<hr/>	<hr/>
	56.878.536.515	50.706.168.524
	<hr/>	<hr/>



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay	(a) Vay ngắn hạn	Biến động trong năm			
		1/1/2020 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	31/12/2020 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
	Vay ngắn hạn	35.500.000.000	693.300.000.000	(699.400.000.000)	29.400.000.000
	Vay dài hạn đến hạn trả	24.609.306.459	-	(6.153.468.813)	18.455.837.646
		60.109.306.459	693.300.000.000	(705.553.468.813)	47.855.837.646

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên (i)	VND	0,5%	18.400.000.000	18.400.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Định (ii)	VND	6,0%	11.000.000.000	3.600.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (iii)	VND	5,9%	-	12.000.000.000
Nhân viên Công ty	VND	7,0%	-	1.500.000.000
			29.400.000.000	35.500.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản vay từ Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên, công ty liên kết, không có đảm bảo.
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (“Vietcombank”) – Chi nhánh Bình Định có hạn mức tín dụng là 30.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của Vietcombank tại ngày giải ngân. Khoản vay này không có đảm bảo và được sử dụng để tài trợ vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.
- (iii) Khoản vay từ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk có hạn mức tín dụng là 85.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của Vietcombank tại ngày giải ngân. Khoản vay này không có đảm bảo và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó. Khoản vay này không có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Nhóm Công ty có một hợp đồng vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”) – Chi nhánh Đắk Lắk với hạn mức tín dụng là 70.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của BIDV tại ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 27.075 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: Không) (Thuyết minh 10) và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó. Khoản vay này không có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
▪ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	8,6%	2021	8.812.500.000	11.750.000.000
▪ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk (ii)	VND	8,6%	2021	9.643.337.646	12.859.306.459
				18.455.837.646	24.609.306.459
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(18.455.837.646)	(24.609.306.459)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				-	-

- (i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 26.625 triệu VND và được sử dụng để tài trợ vốn lưu động của Nhóm Công ty.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 26.000 triệu VND và được sử dụng để tài trợ vốn lưu động của Nhóm Công ty.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Khoản vay dài hạn từ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 21.584 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 24.498 triệu VND) theo hợp đồng thế chấp số 261017/MQK/HDTB và 261017/MQK/HDTS ngày 26 tháng 10 năm 2017 (Thuyết minh 10). Ngày 28 tháng 4 năm 2020, Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk đã phê duyệt gia hạn thời gian đáo hạn của các khoản vay này, từ ngày 30 tháng 10 năm 2020 sang ngày 30 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định số 338/TB-ĐLA-KHBL.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	2.770.773.797	2.652.858.611
Trích lập trong năm từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 22)	30.086.790.000	14.195.077.642
Tăng khác	566.210.000	316.415.000
Sử dụng trong năm	(26.650.266.064)	(14.393.577.456)
Số dư cuối năm	<u>6.773.507.733</u>	<u>2.770.773.797</u>

21. Dự phòng phải trả dài hạn

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND	Dự phòng khác (*) VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	9.569.168.525	8.415.301.101	17.984.469.626
Dự phòng trích lập trong năm	540.024.913	-	540.024.913
Dự phòng sử dụng trong năm	(123.832.375)	-	(123.832.375)
Số dư cuối năm	<u>9.985.361.063</u>	<u>8.415.301.101</u>	<u>18.400.662.164</u>

(*) Dự phòng khác phản ánh dự phòng cho phạt chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt từ năm 2011 đến 2012 theo Công văn số 3973/VPCP-KTTH ngày 2 tháng 6 năm 2014.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	298.466.480.000	12.234.693	57.457.657.413	87.382.525.162	443.318.897.268
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	207.043.200.667	207.043.200.667
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.000.277.123	(7.000.277.123)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(14.195.077.642)	(14.195.077.642)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	(164.156.564.000)	(164.156.564.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	298.466.480.000	12.234.693	64.457.934.536	109.073.807.064	472.010.456.293
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	158.813.094.601	158.813.094.601
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.352.160.033	(10.352.160.033)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(30.086.790.000)	(30.086.790.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(1.035.216.003)	(1.035.216.003)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	(104.463.268.000)	(104.463.268.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	298.466.480.000	12.234.693	74.810.094.569	121.949.467.629	495.238.276.891



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Nhóm Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

24. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 5 tháng 6 năm 2020, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND (tương đương 3.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 (2019: 119.387 triệu VND, tương đương 4.000 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018).

Tại cuộc họp ngày 15 tháng 10 năm 2020 và ngày 9 tháng 12 năm 2020, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông lần lượt là 74.617 triệu VND (tương đương 2.500/cổ phiếu) và 29.846 triệu VND (tương đương 1.000 VND/cổ phiếu), từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 (2019: tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND, tương đương 3.500 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019).

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-DHCD ngày 5 tháng 6 năm 2020, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định trích 10.352 triệu VND vào quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 (2019: 7.000 triệu VND).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

Thuê	Thời hạn thuê	Ngày hết hạn thông báo thuê	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Lô đất 1	31-1-2058	31-12-2025	3.714.781.014	646.048.872
Lô đất 2	31-1-2058	30-1-2023	3.917.289.600	5.797.588.608
Lô đất 3	31-12-2048	31-12-2021	579.681.347	584.882.523
Lô đất 4	31-12-2048	31-12-2021	231.977.137	234.060.335
Lô đất 5	31-12-2048	31-12-2021	1.256.839.432	1.268.210.412
Lô đất 6	31-12-2048	31-12-2021	332.515.246	335.496.982
Lô đất 7	10-10-2036	30-6-2021	45.538.943	129.027.004
Lô đất 8	10-10-2036	9-10-2021	70.804.800	165.211.200
Lô đất 9	10-10-2036	5-3-2025	1.210.944.000	24.104.640
Lô đất 10	10-10-2036	30-6-2021	353.603.811	1.001.877.465
Lô đất 11	10-10-2036	30-6-2021	113.171.040	320.651.280
Lô đất 12	31-12-2048	31-12-2021	29.808.720	489.844.833
Văn phòng 1	31-12-2020	31-12-2021	12.000.000	12.000.000
Văn phòng và kho	31-12-2020	31-12-2021	72.000.000	-
Ô tô và xe tải	31-12-2020	31-12-2021	240.000.000	-
			12.180.955.090	11.009.004.154

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	94	2.179.005	324	8.238.133
EUR	572	15.988.579	369	9.400.071
		18.167.584		17.638.204

(c) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	Đơn vị	31/12/2020	1/1/2020
Bia Lowen 330	Két	115	5.322
Bia Sài Gòn 355	Két	290	290
		405	5.612

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2020 VND	2019 VND (Phân loại lại)
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.145.061.992.179	1.492.488.783.309
▪ Cung cấp dịch vụ	43.817.088.050	13.249.709.560
▪ Doanh thu khác	18.285.910.631	19.999.024.091
	<hr/>	<hr/>
	1.207.164.990.860	1.525.737.516.960
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	15.893.182	1.063.591.285
	<hr/>	<hr/>
	1.207.149.097.678	1.524.673.925.675
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2020 VND	2019 VND (Phân loại lại)
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	884.824.439.057	1.161.522.696.458
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	7.640.200.465	4.098.854.304
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	642.958.526	-
▪ Giá vốn khác	2.781.536.802	4.115.803.429
	<hr/>	<hr/>
	895.889.134.850	1.169.737.354.191
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí bán hàng

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	7.565.393.697	6.638.576.574
Chi phí vật liệu và công cụ dụng cụ	10.134.763.895	7.967.597.641
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	1.683.499.616	3.419.105.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.150.214.012	16.337.792.884
Chi phí bán hàng khác	11.641.565.980	6.690.115.774
	<hr/>	<hr/>
	51.175.437.200	41.053.188.557
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	33.204.075.988	31.135.786.217
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.402.854.786	4.362.674.705
Chi phí thuê	5.002.858.679	4.683.951.044
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.478.148.819	6.124.236.407
Chi phí quản lý khác	21.205.877.926	25.120.080.847
	<hr/>	<hr/>
	67.293.816.198	71.426.729.220
	<hr/>	<hr/>

31. Thu nhập khác

	2020	2019
	VND	VND
		(Phân loại lại)
Cung cấp dịch vụ bảo hành và sửa chữa	2.630.334.548	13.009.549.102
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.025.871.820	9.919.996.364
Thu nhập khác	6.063.020.664	7.897.131.260
	<hr/>	<hr/>
	10.719.227.032	30.826.676.726
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí khác

	2020 VND	2019 VND (Phân loại lại)
Giá vốn dịch vụ bảo hành và sửa chữa đã cung cấp	1.118.743.430	4.488.999.072
Giá vốn dịch vụ vận chuyển đã cung cấp	383.974.133	1.696.049.730
Chi phí khác	2.880.442.257	4.404.963.457
	4.383.159.820	10.590.012.259

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND (Phân loại lại)
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	694.269.294.618	976.833.204.106
Chi phí nhân công và nhân viên	104.333.512.585	96.360.188.788
Chi phí khấu hao và phân bổ	80.145.380.691	90.590.757.191
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.427.528.004	89.760.210.312
Chi phí khác	56.052.548.735	61.021.465.476



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	40.486.984.318	52.231.499.312
Dự phòng thiếu trong những năm trước	10.343.333	58.910.190
	<hr/>	<hr/>
	40.497.327.651	52.290.409.502
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(74.992.915)	(239.512.557)
	<hr/>	<hr/>
	40.422.334.736	52.050.896.945
	<hr/>	<hr/>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	199.235.429.337	259.094.097.612
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	39.847.085.867	51.818.819.522
Chi phí không được khấu trừ thuế	601.059.436	209.321.133
Dự phòng thiếu trong những năm trước	10.343.333	58.910.190
Thu nhập không bị tính thuế	(36.153.900)	(36.153.900)
	<hr/>	<hr/>
	40.422.334.736	52.050.896.945
	<hr/>	<hr/>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	158.813.094.601	207.043.200.667
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(30.086.790.000)	(14.195.077.642)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>128.726.304.601</u>	<u>192.848.123.025</u>

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 29.846.648 cổ phiếu.

1120
:HI'
5NC
K
VHI

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên		
Mua công cụ và dụng cụ		
Cổ tức được chia	9.715.970.000	6.742.520.000
Chi phí lãi vay	180.769.500	180.769.500
	91.748.000	91.748.000
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	691.556.641.799	1.109.875.748.293
Bán khác	911.361.500	-
Mua nguyên vật liệu	375.408.156.311	654.379.394.488
Cổ tức	33.660.770.500	38.469.452.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua công cụ và dụng cụ	1.879.137.200	-
Chi phí thay thế vỏ chai	720.780.000	5.135.235.864
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Cung cấp dịch vụ	714.502.443	462.952.102
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Thù lao	8.505.406.356	8.694.612.095

